

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025
(Báo cáo tự lập)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được tự lập	04-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	07-08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09-42

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,751,791,805,894	1,526,027,552,999
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		3,384,223,081	42,242,862,847
111	1. Tiền	3	3,384,223,081	42,242,862,847
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	244,499,268,161	158,435,580,071
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		244,499,268,161	158,435,580,071
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		844,923,462,736	598,536,744,324
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	643,710,501,368	479,337,975,915
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	114,735,779,534	80,307,254,618
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	86,477,181,834	38,891,513,791
140	IV. Hàng tồn kho	10	620,972,463,301	683,944,075,529
141	1. Hàng tồn kho		620,972,463,301	683,944,075,529
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38,012,388,615	42,868,290,228
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	7,294,006,790	6,582,012,374
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		27,388,756,576	36,286,277,854
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	3,329,625,249	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,167,374,706,456	945,184,229,393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6,488,267,257	6,246,856,657
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	6,488,267,257	6,246,856,657
220	II. Tài sản cố định		793,577,891,058	293,145,285,013
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	687,151,203,036	174,016,757,053
222	- Nguyên giá		1,119,082,943,813	577,478,370,323
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(431,931,740,777)	(403,461,613,270)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	45,083,859,584	56,336,070,407
225	- Nguyên giá		59,370,836,858	67,409,423,358
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14,286,977,274)	(11,073,352,951)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	61,342,828,438	62,792,457,553
228	- Nguyên giá		68,245,571,219	68,204,471,219
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,902,742,781)	(5,412,013,666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	171,200,357,329	460,417,449,070
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		171,200,357,329	460,417,449,070
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	131,428,929,338	131,032,218,869
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		131,428,929,338	128,032,218,869
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3,000,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		64,679,261,474	54,342,419,784
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	58,205,978,686	47,036,738,493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	43.a	-	370,021,161
269	3. Lợi thế thương mại		6,473,282,788	6,935,660,130
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,919,166,512,350	2,471,211,782,392

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2,152,276,025,888	1,723,493,618,126
310	I. Nợ ngắn hạn		1,765,145,415,759	1,338,284,164,221
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	318,455,001,232	278,615,664,605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	89,122,608,260	68,040,488,517
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	22,838,295,116	21,122,532,154
314	4. Phải trả người lao động		13,758,186,801	16,602,439,323
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	23,678,088,720	14,450,223,537
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	16,147,180,346	61,230,124,075
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1,258,499,424,098	864,219,493,965
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		22,646,631,186	14,003,198,045
330	II. Nợ dài hạn		387,130,610,129	385,209,453,905
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	9,945,532,948	48,552,878,934
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	170,000,000	150,000,000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	364,079,415,418	323,254,050,154
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.b	12,935,661,763	13,252,524,817
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		766,890,486,462	747,718,164,266
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	766,890,486,462	747,718,164,266
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450,000,000,000	450,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450,000,000,000	450,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40,010,480,000	40,010,480,000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94,396,675,823	57,353,390,932
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		144,863,716,386	163,414,518,842
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		117,069,807,142	95,911,408,995
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		27,793,909,244	67,503,109,847
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37,619,614,253	36,939,774,492
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,919,166,512,350	2,471,211,782,392

(Handwritten signatures and stamps)



Huỳnh Thị Hải Yến
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q3 2025	Q3 2024	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	538,242,535,139	353,245,084,880	1,546,765,126,252	1,161,654,265,957
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	36,870,112	-	48,930,429	231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		538,205,665,027	353,245,084,880	1,546,716,195,823	1,161,654,265,726
11	4. Giá vốn hàng bán	25	464,490,830,856	285,857,431,834	1,354,701,564,855	950,931,697,228
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73,714,834,171	67,387,653,046	192,014,630,968	210,722,568,498
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	8,547,269,582	2,590,462,175	14,617,014,632	10,002,834,367
22	7. Chi phí tài chính	27	30,307,306,059	15,819,358,671	68,045,051,383	47,354,858,427
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		29,916,197,026	11,818,795,519	66,934,679,971	38,600,598,139
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		852,326,061	3,195,111,136	3,396,710,469	11,914,869,357
25	9. Chi phí bán hàng	28	17,802,503,960	17,089,891,827	51,787,311,387	54,688,610,698
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	16,697,807,182	18,503,337,393	49,458,897,842	49,125,116,631
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18,306,812,613	21,760,638,466	40,737,095,457	81,471,686,466
31	12. Thu nhập khác	30	186,723,432	5,727,172	199,046,523	268,550,676
32	13. Chi phí khác	31	367,504,695	89,277,971	589,548,204	3,590,532,045
40	14. Lợi nhuận khác		(180,781,263)	(83,550,799)	(390,501,681)	(3,321,981,369)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18,126,031,350	21,677,087,667	40,346,593,776	78,149,705,097
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	6,055,065,110	3,322,893,023	12,477,680,332	14,932,766,183
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(105,621,018)	(105,621,018)	53,158,107	(316,863,054)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12,176,587,258	18,459,815,662	27,815,755,337	63,533,801,968
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		12,176,587,258	18,459,815,662	27,793,909,244	63,523,591,292
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-	21,846,093	10,210,676
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	271	410	618	1,412

Huỳnh Thị Hải Yến
 Người lập

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Nguyễn Thị Kim Loan
 Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
 Tổng Giám đốc

35,718,046,631
 56.2%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		40,346,593,776	78,149,705,097
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		38,285,383,687	28,637,236,496
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		35,714,271	(3,883,777,361)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9,834,173,430)	37,643,446,909
06	- Chi phí lãi vay		66,934,679,971	38,600,598,139
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135,768,198,275	179,147,209,280
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(238,670,449,305)	40,334,349,079
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		62,971,612,228	(191,781,906,925)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5,382,421,296)	335,529,470,510
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11,881,234,609)	5,654,858,925
14	- Tiền lãi vay đã trả		(65,593,735,688)	(38,590,205,934)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8,000,000,001)	(22,981,558,787)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(130,788,030,396)	307,312,216,148
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(264,022,924,608)	(419,616,294,984)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	51,734,338,021
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(244,499,268,161)	(68,835,580,071)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		161,435,580,071	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,865,861,101	1,247,631,572
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(343,220,751,597)	(435,469,905,462)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1,297,704,457,446	834,477,776,886
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(862,599,162,049)	(688,664,616,851)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(17,137,248,917)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		435,105,295,397	128,675,911,118
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(38,903,486,596)	518,221,804

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42,242,862,847	17,925,609,914
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		44,846,830	6,636,743
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>3,384,223,081</u>	<u>18,450,468,461</u>

Huỳnh Thị Hải Yến
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 02 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 450,000,000,000 VND; tương đương 45,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 686 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 667 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 09 tháng đầu năm 2025, Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tuy doanh thu của Công ty tiếp tục tăng trưởng 33% so với cùng kỳ năm 2024 từ 1161 tỷ VND lên 1546 tỷ VND. Tuy nhiên giá vốn đã tăng 43% so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2024 từ mức 950 tỷ VND lên mức 1354 tỷ VND, mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 9%. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa- nguyên vật liệu (là hoạt động có biên lợi nhuận thấp), giảm hoạt động bán thành phẩm của Công ty (là hoạt động có biên lợi nhuận cao) để tăng khả năng thanh khoản, rút ngắn vòng quay vốn. Từ đó dẫn tới doanh thu tăng, giá vốn tăng nhưng lợi nhuận gộp giảm mạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2025:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	88.17%	88.17%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu tại thời điểm nhất định trong tương lai,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:*

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
- Lợi thế quyền thuê đất	35 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tiền điện, trích trước chi phí nhiên liệu khí áp thấp ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. •

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1,225,978,602	3,972,514,779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,158,244,479	38,270,348,068
	<u><u>3,384,223,081</u></u>	<u><u>42,242,862,847</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	244,499,268,161	-	158,435,580,071	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	244,499,268,161	-	158,435,580,071	-
Đầu tư dài hạn	-	-	3,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	3,000,000,000	-
	244,499,268,161	-	161,435,580,071	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 243.121.699.172 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,1%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	30/09/2025				01/01/2025			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND				VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45%	45%	131,428,929,338	Đồng Nai	45%	45%	128,032,218,869
				131,428,929,338				128,032,218,869

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 39.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	47,466,718,622	-	85,180,303,939	-
Công ty Cổ phần Vinagres	15,649,172,001	-	25,602,313,404	-
Royal American Wholesale	2,221,233,379	-	2,338,141,668	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	6,705,149,684	-
Công ty Cổ phần Báo Sơn Xanh	14,045,168,367	-	36,639,606,433	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Miền Tây	13,720,709,835	-	13,895,092,750	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	1,830,435,040	-	-	-
<i>Bên khác</i>	596,243,782,746	-	394,157,671,976	-
Công ty Cổ phần Top Tile	268,054,418,788	-	103,262,042,555	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	50,474,033,961	-	43,016,085,398	-
Rc Flooring Distributor	23,813,035,243	-	-	-
Care About Trading Co., Ltd	44,387,129,309	-	33,042,985,523	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	35,860,373,819	-	33,346,694,862	-
New Pacific Marble & Title	25,738,758,304	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	147,916,033,322	-	181,489,863,638	-
	643,710,501,368	-	479,337,975,915	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	22,680,455,000	-	10,510,000,000	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu tư Royal House	20,380,455,000	-	10,510,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê	2,300,000,000	-	-	-
--	---------------	---	---	---

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp)

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6,895,833,094	-	6,895,833,094	-
Công Ty TNHH MTV Trang Mình Anh	4,941,943,291	-	4,941,943,291	-
Công ty TNHH MTV Võ Trường Phát	-	-	5,336,517,072	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tùng Thịnh Phát	-	-	6,875,194,154	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	47,480,549,246	-	32,225,032,044	-
Trả trước cho người bán khác	32,736,998,903	-	13,522,734,963	-
	114,735,779,534	-	80,307,254,618	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,936,539,882	-	1,546,756,204	-
Tạm ứng	279,849,846	-	-	-
Cho mượn	6,740,298,775	-	-	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (1)(2)	36,000,000,000	-	36,000,000,000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	918,530,344	-	1,241,563,393	-
Phải thu khác	38,601,962,987	-	103,194,194	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

		<u>86,477,181,834</u>	-	<u>38,891,513,791</u>	-
		30/09/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a2) Chi tiết theo đối tượng					
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30,000,000,000		-	30,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6,000,000,000		-	6,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	872,638,258		-	1,136,361,599	-
Các Ngân hàng thương mại	3,936,539,882		-	1,546,756,204	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê	6,909,098,729		-	-	-
Các đối tượng khác	38,758,904,965		-	208,395,988	-
		<u>86,477,181,834</u>	<u>-</u>	<u>38,891,513,791</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn					
b1) Chi tiết theo nội dung					
Ký cược, ký quỹ	6,488,267,257		-	6,246,856,657	-
		<u>6,488,267,257</u>	<u>-</u>	<u>6,246,856,657</u>	<u>-</u>
b2) Chi tiết theo đối tượng					
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1,401,999,650		-	1,489,069,050	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	2,442,107,607		-	2,442,107,607	-
Các đối tượng khác	2,644,160,000		-	2,315,680,000	-
		<u>6,488,267,257</u>	<u>-</u>	<u>6,246,856,657</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan					
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30,000,000,000		-	30,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6,000,000,000		-	6,000,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal	6,450,000,000	-	-	-
	42,450,000,000	-	36,000,000,000	-

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng.

Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND và đã thực hiện xong việc mua lô đất và xây dựng công trình trên đất. Hiện tại công trình đã hoàn thành nhưng chưa thể đưa vào sử dụng do Công ty và ông Huỳnh Sơn Tùng đang thực hiện các thủ tục để hoàn công công trình với cơ quan chức năng.

(2) Khoản thỏa thuận và giao việc cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo biên bản thỏa thuận số 06/HGK-NTBT/BBTT ngày 31/05/2022 về việc bà Nguyễn Thị Bích Trâm chủ sở hữu Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 43, phường Long Phước, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án Văn phòng showroom Royal Sintered Stone. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 6 tỷ VND.

Bà Trâm đã thực hiện mua xong lô đất và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.

Do Công ty đang tập trung thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 nên quá trình thực hiện xây dựng Dự án Văn phòng showroom Royal Sintered Stone sẽ được thực hiện sau khi Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 đi vào hoạt động. Công ty cũng đã thu hồi 1 phần tiền giao cho Bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 8,3 tỷ VND để tập trung tài chính cho dự án này.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	175,962,363	-	299,661,785	-
Nguyên liệu, vật liệu	149,760,480,958	-	102,085,045,670	-
Công cụ, dụng cụ	26,838,170,012	-	19,730,431,198	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	9,597,397,201	-	8,198,954,088	-
Thành phẩm	276,310,764,692	-	246,173,229,649	-
Hàng hoá	155,656,316,939	-	303,231,966,572	-
Hàng gửi đi bán	2,633,371,136	-	4,224,786,567	-
	620,972,463,301	-	683,944,075,529	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

9 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng RYG	1,617,600,000	925,925,926
- Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 (*)	169,457,757,329	458,261,523,144
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	-	1,230,000,000
- Hệ Thống Bảo cháy KV nhà ăn	125,000,000	-
	<u>171,200,357,329</u>	<u>460,417,449,070</u>

(*) Thông tin về dự án:

- Địa điểm xây dựng: Đường Số 8, KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, Đồng Nai;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất gạch Porcelain tấm lớn, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu Tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang);
- Quy mô của dự án: diện tích khoảng 32.000 m2;
- Tổng mức đầu tư: 764.664.000.000 VND;
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến hoàn thành trong năm 2025;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/09/2025: đang trong quá trình nghiệm thu, vận hành chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	148,977,227,938	405,066,812,937	16,345,907,191	3,944,152,222	3,144,270,035	577,478,370,323
- Mua trong kỳ	1,078,878,800	260,912,000	-	-	-	1,339,790,800
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	50,287,591,552	486,587,130,038	-	-	-	536,874,721,590
- Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính	-	8,038,586,500	-	-	-	8,038,586,500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,648,525,400)	-	-	(4,648,525,400)
Số dư cuối kỳ	200,343,698,290	899,953,441,475	11,697,381,791	3,944,152,222	3,144,270,035	1,119,082,943,813
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	87,967,599,515	301,590,176,487	10,348,255,877	2,748,318,391	807,263,000	403,461,613,270
- Khấu hao trong kỳ	5,196,684,849	22,997,339,433	1,196,543,026	276,830,746	235,820,253	29,903,218,307
- Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính	-	3,215,434,600	-	-	-	3,215,434,600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,648,525,400)	-	-	(4,648,525,400)
Số dư cuối kỳ	93,164,284,364	327,802,950,520	6,896,273,503	3,025,149,137	1,043,083,253	431,931,740,777
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	61,009,628,423	103,476,636,450	5,997,651,314	1,195,833,831	2,337,007,035	174,016,757,053
Tại ngày cuối kỳ	107,179,413,926	572,150,490,955	4,801,108,288	919,003,085	2,101,186,782	687,151,203,036

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5,408,696,291 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42,341,308,013 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	56,301,950,904	11,107,472,454	67,409,423,358
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(8,038,586,500)	-	(8,038,586,500)
Số dư cuối kỳ	48,263,364,404	11,107,472,454	59,370,836,858
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10,805,733,487	267,619,464	11,073,352,951
- Trích khấu hao	5,583,494,404	845,564,519	6,429,058,923
- Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3,215,434,600)	-	(3,215,434,600)
Số dư cuối kỳ	13,173,793,291	1,113,183,983	14,286,977,274
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	45,496,217,417	10,839,852,990	56,336,070,407
Tại ngày cuối kỳ	35,089,571,113	9,994,288,471	45,083,859,584

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Lợi thế quyền thuê (* VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	565,248,000	67,639,223,219	68,204,471,219
- Mua trong kỳ	41,100,000	-	41,100,000
Số dư cuối kỳ	606,348,000	67,639,223,219	68,245,571,219
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	534,185,067	4,877,828,599	5,412,013,666
- Khấu hao trong kỳ	27,380,535	1,463,348,580	1,490,729,115
Số dư cuối kỳ	561,565,602	6,341,177,179	6,902,742,781
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	31,062,933	62,761,394,620	62,792,457,553
Tại ngày cuối kỳ	44,782,398	61,298,046,040	61,342,828,438

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295.600.000 VND.

(*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất khu công nghiệp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 292958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2017 - thời hạn 35 năm 02 tháng, được xác định theo chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang số 22/05/02/DN ngày 31/05/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6,052,605,170	6,299,517,113
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	-	84,999,998
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,241,401,620	197,495,263

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

	<u>7,294,006,790</u>	<u>6,582,012,374</u>
	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3,732,915,740	7,674,439,100
Chi phí thuê thương hiệu (*)	26,000,000,000	35,000,000,000
Chi phí chương trình phần mềm	28,473,062,946	4,362,299,393
	<u>58,205,978,686</u>	<u>47,036,738,493</u>

(*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

14 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Giá trị lợi thể thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone là 9.247.546.839 VND được phân bổ với thời gian 10 năm. Tại ngày 30/09/2025, giá trị lợi thể thương mại chưa phân bổ là 6.473.282.788 VND, giá trị lợi thể thương mại phân bổ trong kỳ là 462.377.342 VND.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan				
<i>Bên liên quan</i>	<i>1,374,995,157</i>	<i>1,374,995,157</i>	<i>5,766,195,325</i>	<i>5,766,195,325</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	291,890,381	291,890,381	2,332,101,636	2,332,101,636
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	1,083,104,776	1,083,104,776	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3,434,093,689	3,434,093,689
Bên khác	317,080,006,075	317,080,006,075	272,849,469,280	272,849,469,280
Công ty Cổ phần Frit Huế	10,837,741,674	10,837,741,674	11,235,721,330	11,235,721,330
Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	3,244,823,187	3,244,823,187	7,943,838,176	7,943,838,176
Forwell International (HK) Co., LTD	82,438,381,643	82,438,381,643	58,916,696,697	58,916,696,697
Phải trả các đối tượng khác	220,559,059,571	220,559,059,571	194,753,213,077	194,753,213,077
	<u>318,455,001,232</u>	<u>318,455,001,232</u>	<u>278,615,664,605</u>	<u>278,615,664,605</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>				
Forwell International (HK) Co., LTD	9,945,532,948	9,945,532,948	48,552,878,934	48,552,878,934
	<u>9,945,532,948</u>	<u>9,945,532,948</u>	<u>48,552,878,934</u>	<u>48,552,878,934</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	3,720,578,350	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê	700,000,000	-
Công Ty Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	3,020,578,350	-
<i>Bên khác</i>	85,402,029,910	68,040,488,517
Công ty TNHH VINAMEN	-	5,232,580,340
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	17,426,386,391	14,620,634,450
Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	-	6,263,766,598
Công Ty TNHH Trang Hòa	2,716,788,849	10,617,943,391
Các đối tượng khác	65,258,854,670	31,305,563,738
	<u>89,122,608,260</u>	<u>68,040,488,517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6,430,764,875	9,711,899,708	3,281,134,833	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	211,829,393	249,653,309	37,823,916	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15,458,865,622	12,477,680,332	8,000,000,001	-	19,936,545,953
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2,719,451,916	1,333,379,619	3,078,546,933	-	974,284,602
Các loại thuế khác	-	2,944,214,616	3,000,000	1,019,750,055	-	1,927,464,561
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4,825,000	15,491,500	10,666,500	-
	-	21,122,532,154	20,461,479,219	22,075,341,506	3,329,625,249	22,838,295,116

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2,314,674,593	973,730,310
- Trích trước chi phí tiền điện	1,741,092,717	1,645,451,218
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	12,528,330,822	9,886,422,942
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	4,765,464,981	714,240,120
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	2,328,525,607	1,230,378,947
	23,678,088,720	14,450,223,537

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	23,062,836	-
- Kinh phí công đoàn	5,947,594,722	5,316,761,822
- Bảo hiểm xã hội	1,931,685,972	2,788,258,228
- Bảo hiểm y tế	251,578,463	187,822,800
- Bảo hiểm thất nghiệp	100,615,805	83,252,800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205,500,000	205,500,000
- Khoản mở LC Upas tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	49,999,944,261
- Khoản mượn tiền phục vụ hoạt động SXKD (*)	290,298,775	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7,396,843,773	2,648,584,164
	16,147,180,346	61,230,124,075
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Cán bộ Công nhân viên	4,444,084,447	2,573,206,322
- Công đoàn cấp cơ sở	5,892,893,002	5,316,761,822
- Cơ quan bảo hiểm	2,160,181,040	3,059,333,828
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	49,999,944,261
- Các đối tượng khác	1,525,020,696	280,877,842
- Nguyễn Minh Tuyển	600,000,000	-
- Lê Thị Vi Na	1,525,001,161	-
	16,147,180,346	61,230,124,075
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	170,000,000	150,000,000
	170,000,000	150,000,000
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công Ty TNHH Mtv Thương Mại Dịch Vụ Tư Vấn Môi Trườn	20,000,000	-
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	150,000,000	150,000,000
	170,000,000	150,000,000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Lê Thị Vi Na (*)	1,525,001,161	-
	1,525,001,161	-

(*) Gồm các văn bản mượn tiền với ông Nguyễn Minh Tuyển và bà Lê Thị Vi Na với giá trị lần lượt là 1,6 tỷ VND và 9,4 tỷ VND. Các khoản mượn tiền này phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và không tính lãi suất và có thời hạn hoàn trả theo yêu cầu của bên cho mượn nhưng không ngắn hơn 1 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	833,835,440,802	833,835,440,802	1,217,758,764,508	842,404,787,429	1,209,189,417,881	1,209,189,417,881
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	154,281,071,705	154,281,071,705	162,811,072,425	163,963,436,577	153,128,707,553	153,128,707,553
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai (2)	108,702,665,268	108,702,665,268	105,840,025,604	106,842,519,880	107,700,170,992	107,700,170,992
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất (3)	144,612,906,773	144,612,906,773	132,800,634,830	151,419,306,773	125,994,234,830	125,994,234,830
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu (4)	120,376,628,422	120,376,628,422	150,583,359,776	152,037,410,061	118,922,578,137	118,922,578,137
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (5)	59,987,514,015	59,987,514,015	29,887,445,504	89,874,959,519	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (6)	59,877,556,533	59,877,556,533	59,962,433,792	59,877,556,533	59,962,433,792	59,962,433,792
- Ngân Hàng TMCP An Bình Chi nhánh Sài Gòn (7)	99,997,098,086	99,997,098,086	99,979,746,331	99,997,098,086	99,979,746,331	99,979,746,331
- Ngân hàng Woori - Chi nhánh Bắc Ninh (8)	80,000,000,000	80,000,000,000	-	-	80,000,000,000	80,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn (9)	-	-	149,951,150,933	-	149,951,150,933	149,951,150,933
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh tp. Hồ Chí Minh (10)	-	-	99,952,949,095	-	99,952,949,095	99,952,949,095
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (11)	6,000,000,000	6,000,000,000	75,822,605,704	6,560,000,000	75,262,605,704	75,262,605,704
- Lê Thị Vi Na (12)	-	-	11,832,500,000	11,832,500,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (13)	-	-	138,334,840,514	-	138,334,840,514	138,334,840,514

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025

20 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp)

	01/01/2025		Trong kỳ		30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	30,384,053,163	30,384,053,163	46,864,534,789	27,938,581,735	49,310,006,217	49,310,006,217
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (14)	5,069,966,000	5,069,966,000	4,021,575,200	4,329,306,000	4,762,235,200	4,762,235,200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (15)	18,128,525,305	18,128,525,305	37,728,525,305	18,128,525,305	37,728,525,305	37,728,525,305
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas (16)	5,250,531,354	5,250,531,354	3,663,161,406	4,029,477,552	4,884,215,208	4,884,215,208
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (17)	1,935,030,504	1,935,030,504	1,451,272,878	1,451,272,878	1,935,030,504	1,935,030,504
	864,219,493,965	864,219,493,965	1,264,623,299,297	870,343,369,164	1,258,499,424,098	1,258,499,424,098
b) Vay dài hạn						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (14)	12,461,011,428	12,461,011,428	4,903,567,760	9,232,873,760	8,131,705,428	8,131,705,428
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (15)	320,468,644,061	320,468,644,061	69,561,374,748	-	390,030,018,809	390,030,018,809
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (16)	11,355,800,370	11,355,800,370	4,029,477,552	8,058,955,104	7,326,322,818	7,326,322,818
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (17)	9,352,647,458	9,352,647,458	1,451,272,878	2,902,545,756	7,901,374,580	7,901,374,580
	353,638,103,317	353,638,103,317	79,945,692,938	20,194,374,620	413,389,421,635	413,389,421,635
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(30,384,053,163)	(30,384,053,163)	(46,864,534,789)	(27,938,581,735)	(49,310,006,217)	(49,310,006,217)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	323,254,050,154	323,254,050,154			364,079,415,418	364,079,415,418

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 3 và 9 tháng năm 2025

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	450,000,000,000	40,010,480,000	-	218,347,257,811	21,525,988,179	729,883,725,990
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	63,523,591,292	10,210,676	63,533,801,968
Số dư cuối kỳ trước	450,000,000,000	40,010,480,000	-	281,870,849,103	21,536,198,855	793,417,527,958
Số dư đầu năm nay	450,000,000,000	40,010,480,000	57,353,390,932	163,414,518,842	36,939,774,492	747,718,164,266
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	27,793,909,244	21,846,093	27,815,755,337
Phân phối lợi nhuận	-	-	37,043,284,891	(45,686,718,032)	-	(8,643,433,141)
Số dư cuối kỳ này	450,000,000,000	40,010,480,000	94,396,675,823	145,521,710,054	36,961,620,585	766,890,486,462

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 31/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	37,043,284,891
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,643,433,141
Thù lao HĐQT, UBKT	6,700,000,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 12% vốn điều lệ)	54,000,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	17,090,898,272

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Đinh Việt Anh	20.81	93,600,000,000	20.80	93,600,000,000
Bà Lê Thị Vi Na	5.94	26,740,000,000	19.72	88,740,000,000
Bà Nguyễn Thị Lê	10.70	48,166,000,000	15.08	67,860,000,000
Ông Huỳnh Quang Báu	3.60	16,200,000,000	3.60	16,200,000,000
Ông Trương Văn Việt	0.87	3,930,000,000	0.87	3,930,000,000
Các cổ đông khác	58.08	261,364,000,000	39.93	179,670,000,000
	100.00	450,000,000,000	100.00	450,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng đầu năm 2025 VND	9 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	450,000,000,000	450,000,000,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	450,000,000,000	450,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	205,500,000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	205,500,000	-

d) Cổ phiếu

	30/09/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45,000,000	45,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45,000,000	45,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45,000,000	45,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45,000,000	45,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45,000,000	45,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	94,396,675,823	57,353,390,932
	94,396,675,823	57,353,390,932

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê 90.171 m2 đất để xây dựng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 30/09/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo thời hạn thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
- Từ 1 năm trở xuống	3,641,400,000	3,641,400,000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14,565,600,000	14,565,600,000
- Trên 5 năm	98,621,250,000	100,441,950,000
	116,828,250,000	118,648,950,000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

b) Ngoại tệ các loại		
	30/09/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6,133.44	25,774.51
23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	603,322,487,599	196,558,422,856
Doanh thu bán thành phẩm	329,290,889,177	662,136,377,093
Doanh thu bán nguyên vật liệu	611,454,269,294	297,252,649,710
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,697,480,182	5,706,816,298
	1,546,765,126,252	1,161,654,265,957
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	135,836,609,699	69,921,075,278
24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	48,930,429	-
Giảm giá hàng bán	-	231
	48,930,429	231
25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	500,466,555,013	167,887,772,503
Giá vốn của thành phẩm đã bán	249,330,904,786	489,615,425,861
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	601,671,619,875	285,655,227,830
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3,232,485,181	7,773,271,034
	1,354,701,564,855	950,931,697,228
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	11,297,939,647	48,374,156,873
26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6,255,644,779	1,770,525,790
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8,316,523,023	4,348,531,216
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	44,846,830	3,883,777,361
	14,617,014,632	10,002,834,367

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	66,934,679,971	38,600,598,139
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	250,000,000	
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	695,576,377	8,754,260,288
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	80,561,101	-
Chi phí tài chính khác	84,233,934	-
	68,045,051,383	47,354,858,427

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,694,170,462	3,284,928,535
Chi phí nhân công	8,471,501,275	10,940,778,877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	693,696,443	389,116,469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,767,975,987	39,472,647,278
Chi phí khác bằng tiền	1,159,967,220	601,139,539
	51,787,311,387	54,688,610,698

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	587,646,467	507,732,535
Chi phí nhân công	18,719,451,584	20,189,290,730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,403,776,674	2,498,069,046
Thuế, phí, lệ phí	5,176,114	7,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,828,280,875	24,878,834,401
Chi phí khác bằng tiền	1,452,188,786	350,623,906
Phân bổ lợi thế thương mại	462,377,342	693,566,013
	49,458,897,842	49,125,116,631

30 . THU NHẬP KHÁC

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	181,818,182	202,748,153
Tiền phạt thu được	-	17,030,500
Thu nhập khác	17,228,341	48,772,023
	199,046,523	268,550,676

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

31 . CHI PHÍ KHÁC

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	360,689,010	861,690,497
Hàng khuyến mãi không thu tiền	228,859,194	2,728,841,548
	589,548,204	3,590,532,045

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	11,120,278,568	14,932,766,183
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Royal Sintered Stone	1,357,401,764	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12,477,680,332	14,932,766,183

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	370,021,161
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	370,021,161

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12,935,661,763	13,252,524,817
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12,935,661,763	13,252,524,817

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	53,158,107	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(316,863,054)
	53,158,107	(316,863,054)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	27,793,909,244	63,523,591,292
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27,793,909,244	63,523,591,292
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	45,000,000	45,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	618	1,412

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	309,485,329,246	337,780,873,934
Chi phí nhân công	94,949,698,355	94,080,554,924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37,702,039,655	26,977,445,627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104,817,571,501	129,857,748,809
Chi phí khác bằng tiền	5,282,218,715	830,873,539
	552,236,857,472	589,527,496,833

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2025				
Tiền	2,158,244,479	-	-	2,158,244,479
Phải thu khách hàng, phải thu khác	730,187,683,202	6,488,267,257	-	736,675,950,459
Các khoản cho vay	244,499,268,161	-	-	244,499,268,161
	976,845,195,842	6,488,267,257	-	983,333,463,099
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	38,270,348,068	-	-	38,270,348,068
Phải thu khách hàng, phải thu khác	518,229,489,706	6,246,856,657	-	524,476,346,363
Các khoản cho vay	158,435,580,071	3,000,000,000	-	161,435,580,071
	714,935,417,845	9,246,856,657	-	724,182,274,502

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2025				
Vay và nợ	1,258,499,424,098	364,079,415,418	-	1,622,578,839,516
Phải trả người bán, phải trả khác	334,602,181,578	10,115,532,948	-	344,717,714,526
Chi phí phải trả	23,678,088,720	-	-	23,678,088,720
	1,616,779,694,396	374,194,948,366	-	1,990,974,642,762
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	864,219,493,965	323,254,050,154	-	1,187,473,544,119
Phải trả người bán, phải trả khác	339,845,788,680	48,702,878,934	-	388,548,667,614
Chi phí phải trả	14,450,223,537	-	-	14,450,223,537
	1,218,515,506,182	371,956,929,088	-	1,590,472,435,270

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu các tài sản tài chính đảo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	500,533,232,878	396,264,651,371	649,918,311,574	1,546,716,195,823
Chi phí bộ phận trực tiếp	413,557,749,391	316,091,600,494	625,052,214,970	1,354,701,564,855
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	86,975,483,487	80,173,050,877	24,866,096,604	192,014,630,968
Tổng chi phí mua TSCĐ				538,214,512,390
Tài sản bộ phận trực tiếp	820,923,195,852	649,912,578,504	1,065,929,257,708	2,536,765,032,063
Tài sản không phân bổ				382,401,480,287
Tổng tài sản	820,923,195,852	649,912,578,504	1,065,929,257,708	2,919,166,512,350
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	681,779,219,046	539,754,379,532	885,257,501,007	2,106,791,099,586
Nợ phải trả không phân bổ				45,484,926,302
Tổng nợ phải trả	681,779,219,046	539,754,379,532	885,257,501,007	2,152,276,025,888

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,384,533,855,212	162,182,340,611	1,546,716,195,823
Tài sản bộ phận			2,919,166,512,350
Tổng chi phí mua TSCĐ			538,214,512,390

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đình Việt Anh.
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ ông Đình Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Công ty liên kết.
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ ông Đình Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đình Việt Anh.
Ông Đình Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đình Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ ông Đình Việt Anh
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm trong năm 2024)
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/08/2025)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Bà Lê Thị Vi Na	Cổ đông lớn của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	135,836,609,699	145,309,747,987
Công ty Cổ phần Vinagres	99,683,641,764	81,463,223,788
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	9,222,571,911	1,197,600
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	7,035,000	27,071,516,526
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	-	9,733,309
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	25,505,201,001	28,995,256,097
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	1,418,160,023	7,768,820,667

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán quý 3 và 9 tháng năm 2025

Mua hàng	11,297,939,647	72,349,704,015
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	362,244,045	51,106,001,315
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	4,927,695,602	1,059,031,300
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	1,020,340,000
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	6,008,000,000	19,164,331,400


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:




	9 tháng đầu năm 2025	9 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Đinh Việt Anh	613,217,650	702,217,320
Ông Trịnh Xuân Hùng	-	402,713,050
Ông Phan Bá Hiệu	503,276,110	545,998,850
Ông Trương Văn Việt	614,011,530	543,218,460
Ông Phạm Hữu Phú	-	-
Ông Nguyễn Anh Bình	252,665,670	-
Ông Phạm Đình Hoàng	-	275,194,450
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	577,180,230	464,857,110

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024.



 <hr/> Huỳnh Thị Hải Yến Người lập	 <hr/> Nguyễn Thị Kim Loan Kế toán trưởng	 <hr/> Trương Văn Việt Tổng Giám đốc
--	---	---

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2025